

Số: *134* /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày *27* tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 207/TTr-STTTT ngày 09 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2017 *(Có Kết quả kèm theo)*.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Xuân Lâm
Lại Xuân Lâm

KẾT QUẢ

Đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2017

(ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

1. Kết quả chung

a) Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT)

- 100% các đơn vị có mạng nội bộ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu công tác; 100% các cơ quan, đơn vị đã trang bị hệ thống mạng kết nối không dây phục vụ kết nối mạng các thiết bị CNTT thông minh như: máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh

- Tỷ lệ cán bộ công chức (CBCC) trong các sở, ban, ngành (gọi là CQNN cấp tỉnh) được trang bị máy tính phục vụ công tác đạt 97,93%, UBND các huyện/thành phố (CQNN cấp huyện) đạt 77,28%. Các trang thiết bị tin học phụ trợ khác như: máy in, máy photo, máy scan... được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu phục công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- 100 % sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã bố trí cán bộ lãnh đạo và cán bộ phụ trách về CNTT;

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách về CNTT: 36 người. Trong đó: Thạc sỹ có 02 người; Đại học 17 người; Cao đẳng 10 người và khác 07 người.

- Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ CBCC, cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh được quan tâm. Trong năm 2017, đào tạo, tập huấn cho 30 cán bộ, công chức chuyên trách CNTT của tỉnh và 390 cán bộ, công chức, viên chức (không chuyên trách CNTT).

- Tỷ lệ CB, CCVC cấp tỉnh thường xuyên sử dụng internet để xử lý công việc đạt 97,90%; cấp huyện đạt 77,28%.

c) Các phần mềm ứng dụng

- 100% các đơn vị sử dụng phần mềm tài chính-kế toán, phần mềm mã nguồn mở.

- Hệ thống thư điện tử công vụ: Hiện nay, tỉnh Kon Tum đang sử dụng khoảng 680 tài khoản thư điện tử công vụ của Chính phủ (... @chinhphu.vn) do Văn phòng Chính phủ cấp cho các đơn vị và lãnh đạo đơn vị. Việc sử dụng hộp thư điện tử Chính phủ trong công tác xử lý văn bản đã giúp cho các đơn vị tiết kiệm thời gian, chi phí; công việc được xử lý một cách nhanh chóng, đảm bảo tiến độ.

Do tỉnh chưa có hệ thống thư điện tử chính thức (dùng riêng) nên hầu hết cán bộ, công chức, viên chức (CB, CCVC) của các đơn vị, địa phương đều sử dụng thư điện tử miễn phí như yahoo, gmail, ... Việc sử dụng các hộp thư trên chỉ nên dùng cho mục đích cá nhân, do không đảm bảo về bảo mật, dễ gây mất an toàn, an ninh thông tin.

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Đã liên thông văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng phần mềm eOffice qua đường truyền số liệu chuyên dùng (30/30 đơn vị). Việc liên thông văn bản của phần mềm eOffice ngày càng đi vào ổn định; hầu hết các văn bản đi của các đơn vị đều được lưu chuyển trên phần mềm giúp cho việc tiếp nhận văn bản đến, đi kịp thời.

Việc ứng dụng phần mềm eOffice trong quản lý văn bản và điều hành tại các đơn vị trở thành công cụ hỗ trợ thiết yếu hàng ngày của cán bộ, công chức, viên chức trong quy trình xử lý văn bản đến, đi tại đơn vị. Việc tiếp nhận văn bản, lưu trữ, phân công xử lý và dự thảo văn bản trả lời (nếu có) đều được đa số các đơn vị thực hiện trên phần mềm này, phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và điều hành công việc, tra cứu hồ sơ của CB, CCVC trên địa bàn tỉnh.

d) Chính sách - Đầu tư ứng dụng CNTT

Một số đơn vị⁽¹⁾ đã chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT như bố trí kinh phí cho CNTT và ban hành văn bản chỉ đạo về đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị cụ thể: Quy định quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) quy chế nội bộ, Quy chế an toàn, an ninh thông tin, Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm, Quy chế quản lý hoạt động trang thông tin điện tử, Quyết định thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử và Quy chế Nhuận bút...

Hiện nay, nhiều đơn vị chủ yếu dùng nguồn chi thường xuyên để sửa chữa, duy trì đường truyền Internet, trang thiết bị CNTT...; tuy nhiên, nguồn kinh phí dành cho ứng dụng CNTT còn hạn chế.

e) Trang thông tin điện tử:

- 100% đơn vị có trang thông tin điện tử và đã liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Nhìn chung, tình hình cập nhật, cung cấp thông tin có những chuyển biến tích cực so với thời gian trước. Hầu hết các đơn vị đã thành lập Ban biên tập và có Quy chế quản lý và hoạt động của trang thông tin điện tử nên các trang thông tin điện tử ngày càng hoạt động ổn định hơn, chất lượng bài đăng ngày càng được nâng cao, đầy đủ hơn.

- Các đơn vị đã chú trọng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3 và mức độ 4 lên môi trường mạng; cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác thông tin, thực hiện các thủ tục hành chính... Việc ứng dụng CNTT đã góp phần thay đổi phong cách làm việc của các cơ

¹ Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông, Vận tải, Sở Y Tế, Sở Tài nguyên và Môi trường

quan nhà nước, tiếp tục góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và chất lượng phục vụ các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân.

f) An toàn thông tin:

Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chú trọng công tác đảm bảo an toàn thông tin; đã ban hành Quy chế đảm bảo an toàn hệ thống thông tin; tại các đơn vị đã trang bị biện pháp đảm bảo an toàn thông tin như: hệ thống tường lửa, tường lửa, lọc thư rác; hệ thống phát hiện và phòng chống truy nhập trái phép;... Hệ thống sao lưu dữ liệu như Băng từ; Tủ đĩa, SAN, NAS, DAS,... Bên cạnh một số đơn vị⁽²⁾ đạt mức điểm tối đa (*cấp tỉnh 40/40, cấp huyện 50/50*), một số đơn vị công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng còn hạn chế, việc đảm bảo an toàn thông tin mạng mới dừng lại ở mức độ trang bị phần mềm diệt virus cho các máy tính làm việc dẫn tới nhiều nguy cơ mất an toàn thông tin mạng .

² Thanh Tra tỉnh, Sở Ngoại Vụ, Sở Giao thông, Vận tải, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch, UBND huyện Tu Mơ Rông, UBND huyện Ngọc Hồi.

2. Kết quả xếp loại mức độ ứng dụng CNTT của các sở, ban, ngành

ST T	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Nguồn nhân lực CNTT	Sử dụng các phần mềm ứng dụng	Chính sách và đầu tư cho ƯDCNTT	Trang/ Cổng TTĐT	An toàn thông tin	Điểm cộng/ trừ	Tổng điểm	Xếp loại
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	172	332.7	180.0	83.5	31	-10	889.2	Tốt
2	Sở Giao thông, Vận tải	100	162.9	302.9	180	92	40	10	887.8	Tốt
3	Sở Tài chính	100	140.7	333	160	86	40	10	869.7	Tốt
4	Sở Khoa học và Công nghệ	100	165	278.5	180	82.5	33.9	10	852.4	Tốt
5	Văn phòng UBND tỉnh	90	190	330	165	89,5	10	-15	859,5	Tốt
6	Sở Giáo dục và đào tạo	100	167.8	269.8	160	89.5	40	10	837.1	Khá
7	Ban quản lý Khu kinh tế Kon Tum	90	144.4	323.9	150	88.5	20	10	832.0	Khá
8	Sở Xây dựng	90	124	307.4	165	86.5	40	10	822.9	Khá
9	Sở Nội vụ	90	150	295.1	145	81.5	40	10	811.6	Khá
10	Sở Y Tế	100	106.2	318.9	180	85	30	-10	810.1	Khá
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	162.37	292.63	160	88.50	0	-10	803.5	Khá
12	Sở Công thương	80	145	298	160	85.5	23.1	10	801.6	Khá
13	Thanh Tra tỉnh	90	125	323.6	100	83.5	40	10	772.1	Khá
14	Ban Dân tộc	90	80	338.3	165	86.5	20	-10	769.8	Khá

15	Sở Tư pháp	100	180	255	95	100	25.9	10	765.9	Khá
16	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	70	88.8	263.2	165	83	40	10	720.0	Khá
17	Sở Thông tin và Truyền thông	100	119.4	301	85	81.5	20	10	717.3	Khá
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	80	126	275.2	110	80	40	-10	701.2	Khá
19	Sở Ngoại Vụ	80	139	275.7	35	81	40	10	660.7	Trung bình
20	Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn									

* Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại.

3. Kết quả xếp loại mức độ ứng dụng CNTT của các UBND các huyện/thành phố

ST T	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Nguồn nhân lực CNTT	Sử dụng các phần mềm ứng dụng	Chính sách và đầu tư cho UBND	Trang/công TTĐT	An toàn thông tin	Điểm cộng/trừ	Tổng điểm	Xếp loại
1	UBND huyện Sa Thầy	80	165	318.9	150.0	79.0	37	10	840.0	Khá
2	UBND thành phố Kon Tum	80	172.8	301.0	150	90	39	-10	822.4	Khá
3	UBND huyện Ngọc Hồi	80	206	270.6	100	77.0	50.0	-10	773.6	Khá
4	UBND huyện Tu Mơ Rông	100	157.7	288	60	74	50	-10	719.9	Khá
5	UBND huyện Đăk Glei	90	156.5	257.3	80	80.0	35	-10	688.4	Trung bình

6	UBND huyện Đắk Hà	70	144.3	282.0	70	82.0	42	-10	680.0	Trung bình
7	UBND huyện Đắk Tô	100	160	206.9	120	75.0	21	-10	673.3	Trung bình
8	UBND huyện Kon Plong	60	160	203.1	140	50.0	43	10	666.2	Trung bình
9	UBND huyện IaH'drai	70	115.0	100.1	160	64	40	-10	538.6	Trung bình
10	UBND huyện Kon Rẫy									

** UBND huyện Kon Rẫy chưa thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại.*